

**CÔNG TY TNHH VIỄN THÔNG SIÊU VIỆT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VIỄN THÔNG SIÊU VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SIEU VIET TELECOMMUNICATIONS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SIEUVIET TELECOM CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0106720826

**3. Ngày thành lập:** 23/12/2014

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 47B, ngõ 445 Nguyễn Khang, tổ 4, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904094245

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4311        |
| 2.  | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)                                                                                                                                                                                                        | 4312        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                | 4330        |
| 4.  | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết:<br>- Đại lý                                                                                                                                                                                                                                            | 4610        |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                      | 8299        |
| 6.  | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                     | 9511        |
| 7.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>(Trừ thiết bị thu phát sóng)                                                                                                                                                                                                            | 4652        |
| 8.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                           | 4651        |
| 9.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) | 4659(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                     |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 10. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>- Bán buôn xi măng<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>- Bán buôn kính xây dựng<br>- Bán buôn sơn, véc ni<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>- Bán buôn đồ ngũ kim | 4663                                                                |
| 11. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>- Bán buôn dụng cụ y tế                                                                                                                                   | 4649                                                                |
| 12. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                         | 4761                                                                |
| 13. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                           | 4741                                                                |
| 14. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                        | 4742                                                                |
| 15. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3312                                                                |
| 16. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 9512                                                                |
| 17. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                                                                                                                                                                     | 9521                                                                |
| 18. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                              | 9522                                                                |
| 19. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4321                                                                |
| 20. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                  | 4322                                                                |
| 21. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4100                                                                |
| 22. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4210                                                                |
| 23. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4220                                                                |
| 24. | (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                     | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 1.900.000.000 VNĐ

**7. Vốn pháp định:** 0 VNĐ

## 8. Thông tin về chủ sở hữu:

[illegible]

**9. Người đại diện theo pháp luật của công ty:**

[illegible]

**10. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội